TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 06/2022/HNGĐ- ST
Ngày 10-5-2022
V/v: *Không công nhận quan hệ vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Văn Minh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiếp; Nghề nghiệp: Cán bộ.
2. Ông Bùi Văn Giang; Nghề nghiệp: Cán bộ.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Hồng
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang – Kiểm sát viên

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022. về việc " không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thào Văn H, sinh năm 1983; Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: thôn Hòa Sơn, xã Thuận Hòa, huyện V, tỉnh H (đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 21/3/2022).

Bị đơn: Bà Ma Thị D, sinh năm 1975; Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: thôn Hòa Sơn, xã Thuận Hòa, huyện V, tỉnh H (đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ghi ngày 21/3/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2022 và bản khai tiếp theo Thào Văn H trình bày: Ông và bà Ma Thị D xây dựng gia đình có được tìm hiểu và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1994, ông H, bà D không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 28 năm. Đến tháng 01 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi chửu nhau, từ đó tình cảm của vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, sự mâu thuẫn của vợ chồng ông bà xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải mà đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc

sống chung của vợ chồng không cải thiện được. Nay ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh như vậy gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt và sự ràng buộc lẫn nhau. Ông đề nghị xin được ly hôn bà D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà H, D có 02 con chung là cháu Thào Thìn T, sinh ngày 11/11/1994; cháu Thào Thị S, sinh ngày 16/6/1997. Hiện nay cháu T và cháu S đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra ông còn trình bày do điều kiện cá nhân ông không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

***** Bị đơn Ma Thị D khai tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2022 như sau**:** Bà với ông Thào Văn H trước khi kết hôn hoàn tự nguyện tìm hiểu và ông, bà về chung sống với nhau từ năm 1994, ông, bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 28 năm. Đến tháng 01 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn trong cuộc sống của vợ chồng thời gian gần đây vợ chồng luôn có mâu thuẫn về quan điểm cách sống khác nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy xô xát cãi vã nhau, cho nên T cảm vợ chồng không còn như trước. Sự mâu thuẫn của vợ chồng bà xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải. Mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống của vợ chồng tôi không cải thiện được. Nay bà D xét thấy T cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa và ông H có đơn ly hôn bà hoàn toàn nhất trí ly hôn với ông H để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có hai con chung là cháu Thào Thìn T, sinh ngày 11/11/1994 và cháu Thào Thị S, sinh ngày 16/6/1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra bà D còn trình bày do điều kiện cá nhân bà không thể tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên tòa dân sự đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 63, Điều 69, Điều 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại Tòa án quy định tại Điều 70,71,72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Áp dụng điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP, ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v "thi hành Luật hôn nhân và gia đình".

Áp dụng điểm b khoản 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v "thi hành Luật hôn nhân và gia đình".

Áp dụng khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Ly hôn" của ông Thào Văn H và bà Ma Thị D

- Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thào Văn H và bà Ma Thị D

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Thào Thìn T (SN:11/11/1994) và Thào Thị S (SN: 16/6/1997). Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 BLTTDS

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của ông Thào Văn H về việc xin ly hôn với bà Ma Thị D được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thào Văn H và bà Ma Thị D xây dựng gia đình có được tìm hiểu và được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1994, ông H, bà D không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 28 năm. Đến tháng 01 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mỗi người có quan điểm cách sống khác nhau, cho nên có xảy ra cãi chửu nhau, dẫn đến tình cảm

của vợ chồng không còn như trước, sự mâu thuẫn của vợ chồng ông bà xảy ra chưa được cấp có thẩm quyền nào tiến hành hòa giải mà đã được gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không cải thiện được. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến với nhau nữa. Nay ông H xét thấy tình cảm vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cố duy trì tình cảnh như vậy gây ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt và sự ràng buộc lẫn nhau. Ông đề nghị xin được ly hôn bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Thào Văn H và bà Ma Thị D không tuân thủ theo quy định của pháp luật hôn nhân không đăng ký kết hôn mặc dù ông H, bà D có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v ”thi hành Luật hôn nhân và gia đình” và điểm b khoản 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v ”thi hành Luật hôn nhân và gia đình”; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận ông Thào Văn H và bà Ma Thị D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung:

Cháu Thào Thìn T, sinh ngày 11/11/1994; cháu Thào Thị S, sinh ngày 16/6/1997. Hiện nay cháu T và cháu S đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về Tài sản, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Ông Thào Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

[2.5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP, ngày 03/01/2001 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v ”thi hành Luật hôn nhân và gia đình”.

Áp dụng điểm b khoản 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của QH v/v ”thi hành Luật hôn nhân và gia đình”.

Áp dụng khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Ly hôn" của ông Thào Văn H và bà Ma Thị D.

- Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Thào Văn H và bà Ma Thị D.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là Thào Thìn T (SN:11/11/1994) và Thào Thị S (SN: 16/6/1997). Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Thào Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông H đã nộp theo biên lai số 0002232 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (ông H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cù Văn Minh